

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-3-2021

“Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào;

2. Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 341/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Trần Quốc Kh – sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị và anh Kh ở cùng xóm với nhau, anh chị quen biết và tìm hiểu nhau được một thời gian thì tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1999, anh chị không có tổ chức đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chị sống hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh Kh đánh chị nhiều lần dẫn đến đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị đã bỏ đi và ly thân với anh Kh từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị đã suy nghĩ rất kỹ là không thể hàn gắn tình cảm lại được, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Kh.

Thời gian chung sống vợ chồng chị và anh Kh có hai người con chung tên: Trần Quốc A, sinh năm 2000 (đã trưởng thành) và Trần Quốc V, sinh ngày 19/12/2005, hai con đang sống chung với anh Kh từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay.

Tài sản chung, nợ chung: Chị K xác định không có.

Tại phiên tòa, về hôn nhân chị Nguyễn Thị K yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc Kh; Về con chung tên Trần Quốc A đã trưởng thành nên chị không yêu cầu gì, còn đối với con tên Trần Quốc V chị đồng ý giao cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và chị không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung, không có nên chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Quốc Kh không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Kh không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, Điều 81, Điều 82 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị K và anh Trần Quốc Kh là quan hệ vợ chồng; Về con chung: Giao con chung tên Trần Quốc V, sinh ngày 19/12/2005 cho anh Kh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị K không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Chị K xác định không có, không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc Kh được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Anh Trần Quốc Kh với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Quốc Kh tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1999, anh chị không có tổ chức đám cưới cũng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Từ năm 1999 đến

trước ngày nộp đơn ly hôn, anh chị cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Chị K cho rằng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau và anh Kh đã đánh chị nhiều lần làm cho đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh chị đã tự ly thân từ năm 2018 đến nay nên chị khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Kh. Đối với anh Trần Quốc Kh, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho anh Kh theo đúng quy định pháp luật nhưng anh Kh đều không có mặt và cũng không gửi bản ý kiến của mình cho Tòa án. Tại phiên tòa, chị K cũng tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh Kh. Xét thấy, hôn nhân của anh chị là không có đăng ký kết hôn, nay chị K có yêu cầu ly hôn nên áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị K và anh Kh là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị K xác định chị và anh Kh có hai người con chung tên Trần Quốc A, sinh năm 2000 và Trần Quốc V, sinh ngày 19/12/2005, hiện nay, cháu Quốc A đã trưởng thành nên chị K không yêu cầu gì, do đó HĐXX không xem xét. Còn cháu V thì đang sống cùng với anh Kh nên chị K đồng ý giao cháu V cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Qua thẩm tra, xác minh tại địa phương cho thấy, từ khi ly thân đến nay cháu V sống cùng với anh Kh, do một mình anh Kh chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu V cũng được phát triển bình thường về mọi mặt. Đồng thời, cháu V cũng có nguyện vọng được sống cùng với anh Kh. Vì vậy, việc chị K đồng ý giao cháu V cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế, đúng với nguyện vọng của cháu V và đúng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Kh không có ý kiến và yêu cầu gì về cấp dưỡng nuôi con và chị K cũng không cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị K xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5] Đối với bị đơn anh Trần Quốc Kh qua thẩm tra xác minh trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy, anh Kh vẫn còn hộ khẩu tại địa phương nhưng anh Kh đã đi làm xa, thường xuyên không có ở nhà nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Kh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình liên quan đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử không thể xem xét nguyện vọng của anh Kh.

[6] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị K phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 179, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị K và anh Trần Quốc Kh là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Quốc V, sinh ngày 19/12/2005 cho anh Trần Quốc Kh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị K không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh chị có quyền làm đơn yêu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải nộp án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009512, ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị K đã nộp xong án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/3/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Danh Thị Kiều Oanh